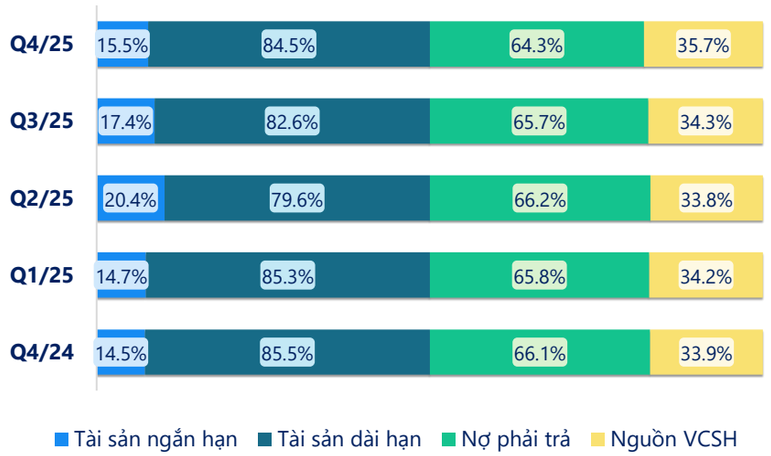
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
SL cổ phiếu LH	15,333,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	915
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	179
P/E	159.2
EPS	73

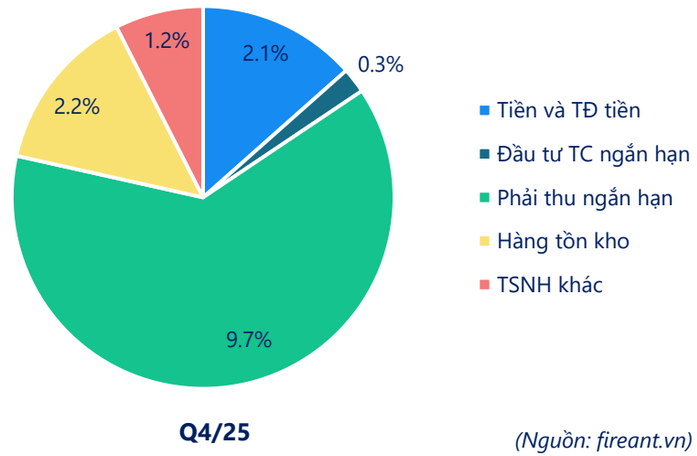
	YTD	1T	3T	6T
TL4	67.1%	20.6%	8.3%	44.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



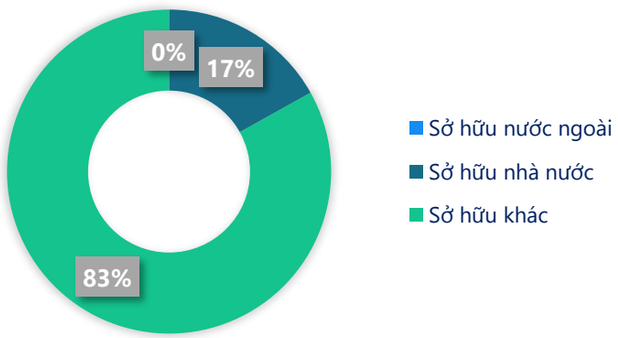
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



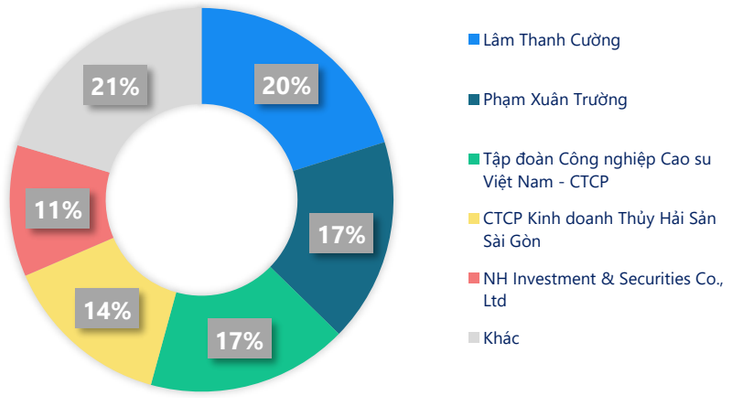
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



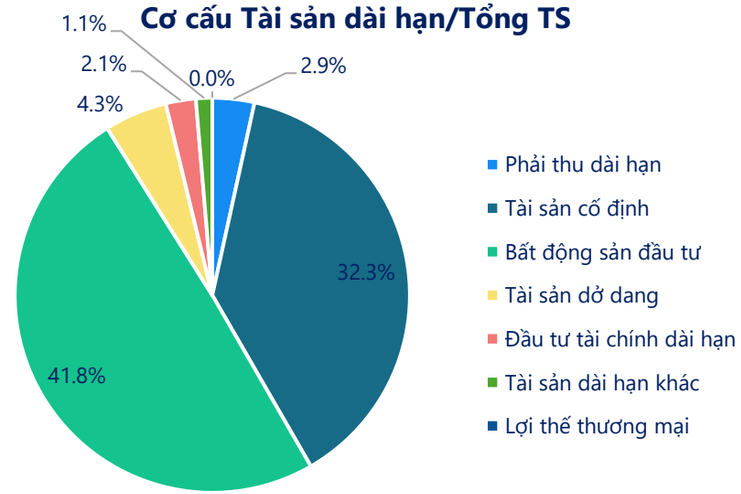
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

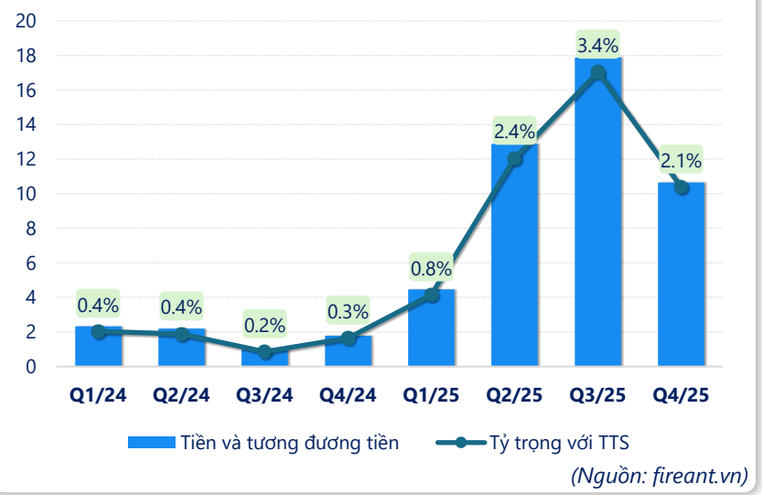


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

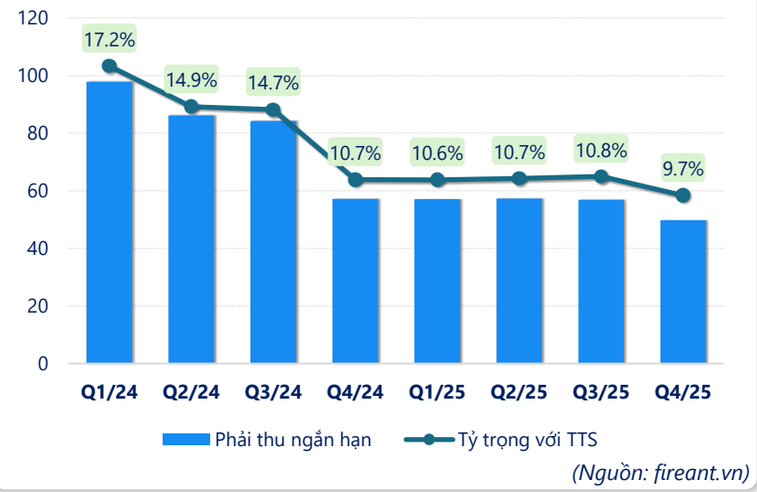
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

Tiền và tương đương tiền



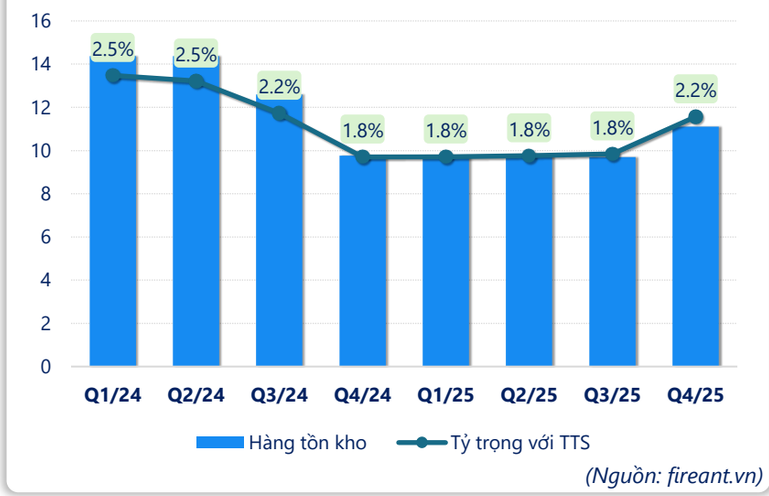
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



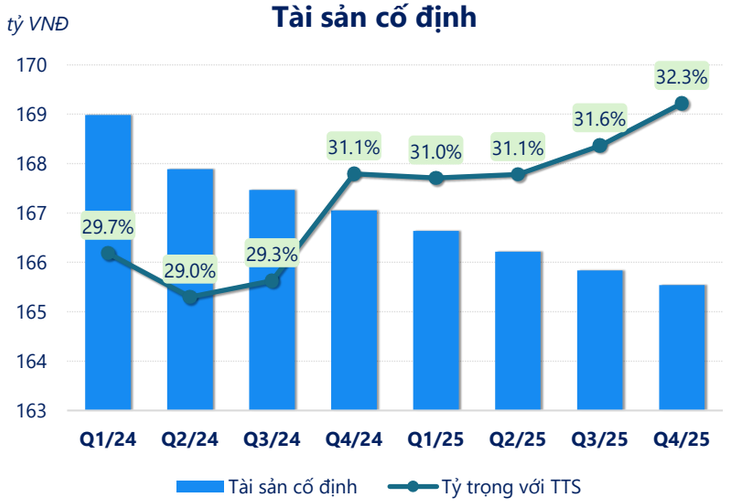
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



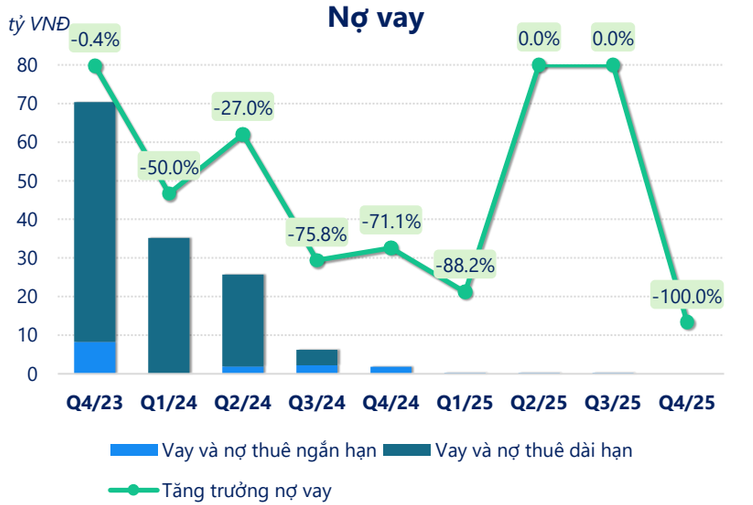
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



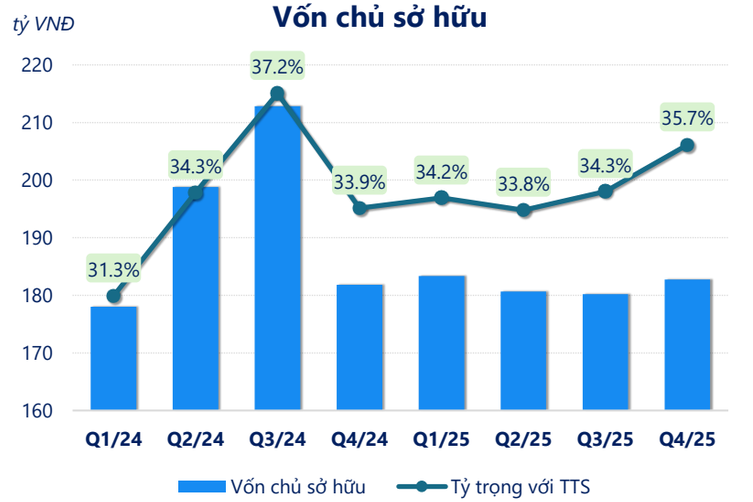
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

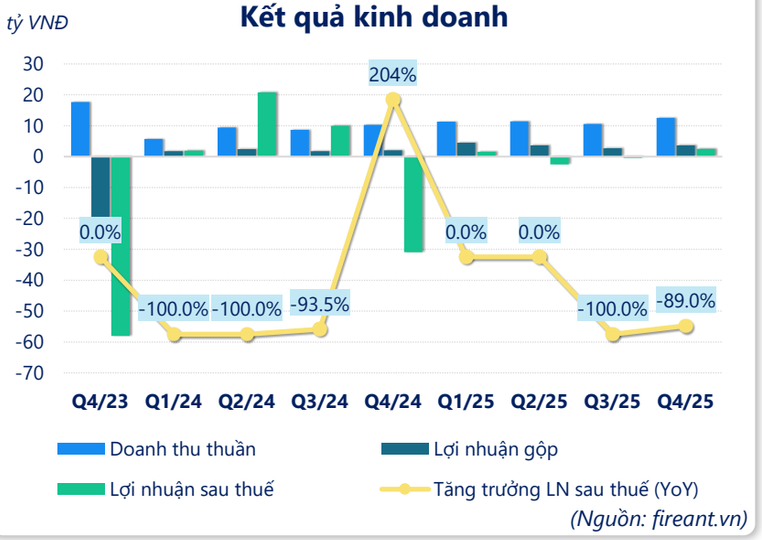


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

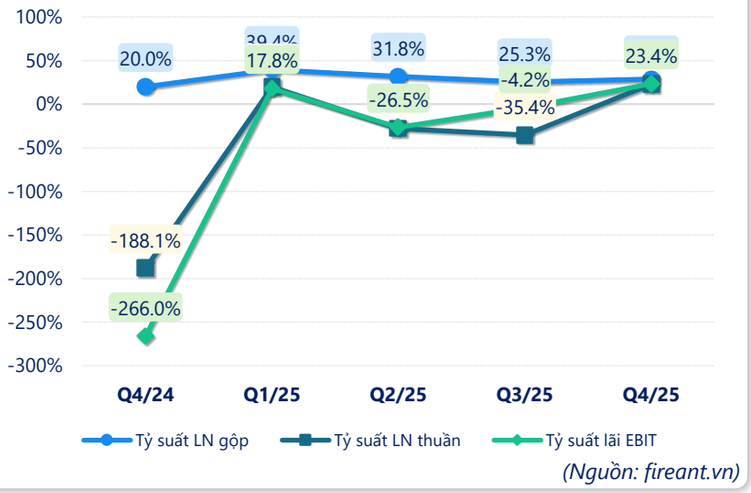
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

Kết quả kinh doanh



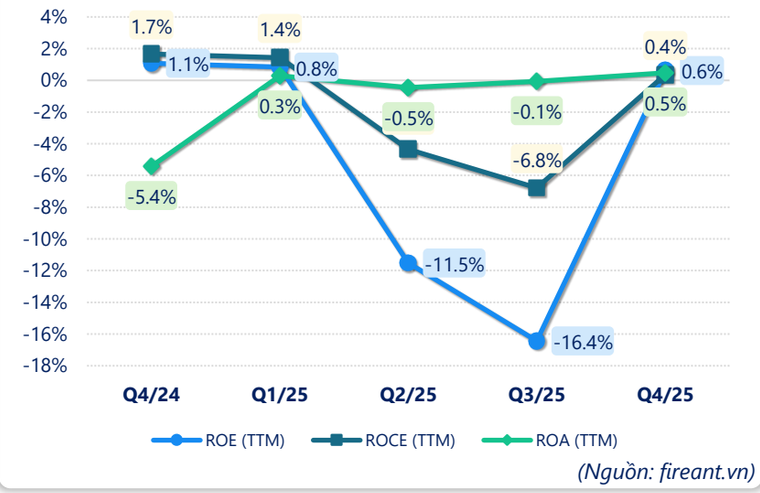
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



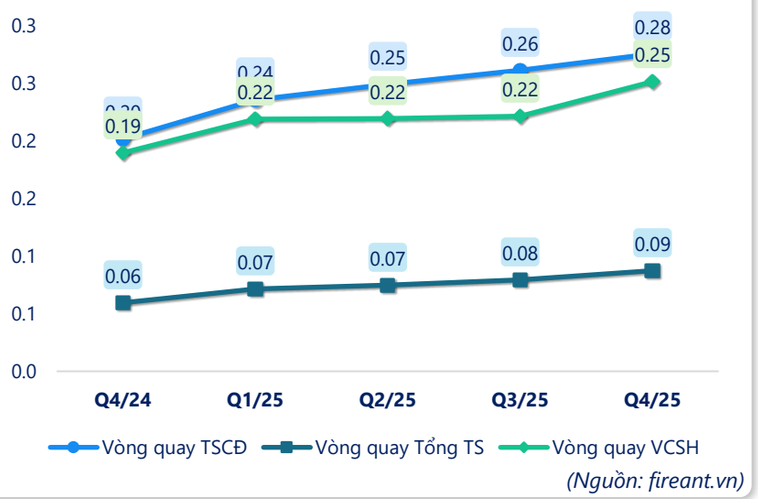
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



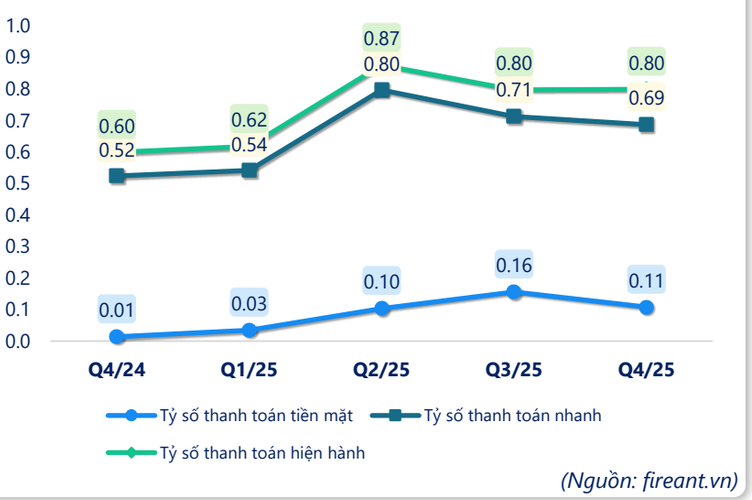
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



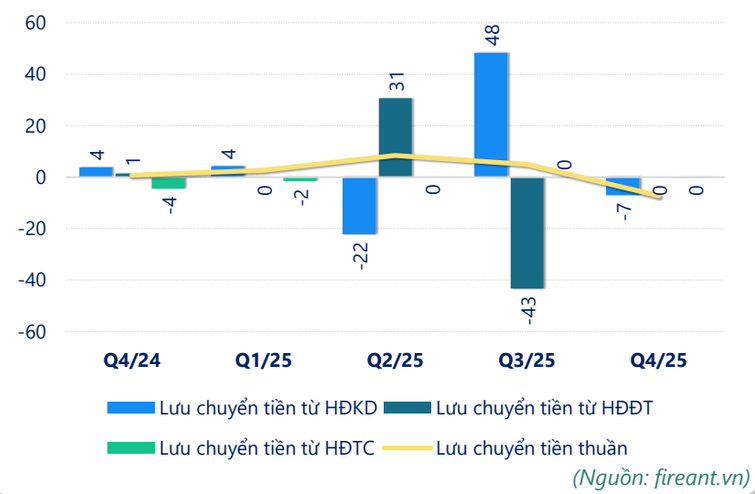
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**512**	**537**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	79.1	77.7	1.9%
Tiền và tương đương tiền	10.6	1.78	499%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.70	0.66	158%
Phải thu ngắn hạn	49.8	57.2	-13.0%
Hàng tồn kho	11.1	9.77	13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.91	8.25	-28.4%
Tài sản dài hạn	**433**	**459**	**-5.8%**
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	0.1%
Tài sản cố định	166	167	-0.9%
Bất động sản đầu tư	214	220	-2.6%
Tài sản dở dang	22.2	22.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.6	30.0	-64.5%
Tài sản dài hạn khác	**5.79**	**5.64**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	329	355	-7.3%
Nợ ngắn hạn	**99.1**	**130**	**-23.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.80	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.6	73.2	-21.4%
Nợ dài hạn	230	225	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**183**	**182**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**183**	**182**	**0.5%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	10.2	11.3	11.4	10.5	12.5
Giá vốn hàng bán	8.18	6.85	7.80	7.88	8.92
Lợi nhuận gộp	2.05	4.46	3.65	2.67	3.60
Doanh thu HĐTC	0.34	-0.01	0.37	0.12	0.09
Chi phí TC	-0.19	0.00	5.44	28.7	-0.76
Chi phí lãi vay	0.13	0.00	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	21.8	2.23	1.78	-22.1	1.58
LN thuần từ HĐKD	-19.2	2.22	-3.21	-3.74	2.86
Lợi nhuận khác	-8.10	-0.21	0.18	3.29	0.07
LN trước thuế	-27.3	2.01	-3.03	-0.45	2.93
Lợi nhuận sau thuế	-31.0	1.54	-2.56	-0.45	2.50
LNST của CĐ cty mẹ	-30.9	1.57	-2.53	-0.41	2.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.79	4.30	-22.2	48.3	-6.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.46	-0.04	30.6	-43.3	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.46	-1.59	0.00	0	-0.21
Tiền đầu kỳ	0.99	1.78	4.46	12.9	17.9
Lưu chuyển tiền thuần	**0.79**	**2.68**	**8.43**	**4.99**	**-7.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	1.78	4.46	12.9	17.9	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic